

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 641/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 30/6/2026

Về việc: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hành

Bà Đào Thị Hồng Ngọc

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thuý Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 421/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2026 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 238/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Vân A**, sinh ngày 25/10/1986; Căn cước số 001186030937 do **Bộ C** cấp ngày 17/01/2025.

Nơi cư trú: **Cụm A, xã N, thành phố Hà Nội.**

Xin vắng mặt tại phiên toà.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn H**, sinh ngày 29/11/1984; CMND số 111734599 do Giám đốc **Công an T** cấp ngày 18/9/2010 (chưa có căn cước công dân).

Nơi cư trú: **Cụm F, xã H, thành phố Hà Nội.**

Vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 28/4/2026 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Vân A trình bày:

Chị Vân A và anh Trần Văn H kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện T, TP Hà Nội (nay là xã H, thành phố Hà Nội) ngày 02/3/2012. Vợ chồng chị chung sống hòa thuận đến cuối năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã xô xát, hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị Vân A và anh H đã sống ly thân từ cuối năm 2013 đến nay và không còn tình cảm. Nay chị Vân A xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Vân A xin ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Vân A và anh H có 01 con chung là cháu Trần Phương N, sinh ngày 20/10/2013. Kể từ khi vợ chồng ly thân, chị Vân A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu N. Nay ly hôn, chị Vân A có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn. Hiện tại, chị Vân A làm lao động tự do, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/1 tháng và được bố mẹ đẻ tạo điều kiện về chỗ ở cũng như hỗ trợ chị chăm sóc con cái nên có điều kiện để nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Chị Vân A xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn anh Trần Văn H nhưng anh H đều vắng mặt trong các buổi làm việc và hòa giải, không đến Tòa án để giải quyết việc chị Nguyễn Thị Vân A khởi kiện xin ly hôn. Do vậy Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Hà Nội tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại phiên toà, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Vân A có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm khởi kiện; bị đơn anh Trần Văn H vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Xét thấy yêu cầu của chị Vân A là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Vân A xin ly hôn anh Trần Văn H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Vân A được ly hôn với anh Trần Văn H.

Về con chung: Chị Vân A và anh H có 01 con chung là cháu Trần Phương N, sinh ngày 20/10/2013. Giao cháu N cho chị Vân A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh H cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không được ai ngăn cản.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Vân A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của Đại diện Viện Kiểm sát; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

Chị Nguyễn Thị Vân A có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Trần Văn H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Vân A và Trần Văn H kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện T, TP Hà Nội (nay là xã H, thành phố Hà Nội) ngày 02/3/2012. Như vậy hôn nhân của chị Vân A và anh H là hợp pháp, tiến bộ. Quá trình chung sống, chị Vân A và anh H phát sinh mâu thuẫn vợ chồng từ cuối năm 2013, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã xô xát. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Chị Vân A và anh H đã sống ly thân từ cuối năm 2013 đến nay và không còn tình cảm. Xét thấy, hôn nhân của chị Vân A và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 yêu cầu xin ly hôn của chị **Vân A** là có cơ sở chấp nhận.

Bị đơn anh **Trần Văn H** đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, đồng thời Toà án đã tiến hành triệu tập anh **H** đến Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Tuy nhiên anh **H** không có mặt theo giấy triệu tập, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị **Vân A**, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[3] Về con chung: Chị **Vân A** và anh **H** có 01 con chung là cháu **Trần Phương N**, sinh ngày 20/10/2013. Hiện tại cháu **N** đang ở với chị **Vân A** cùng gia đình bên ngoại. Ly hôn, chị **Vân A** đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu **N**; bản thân cháu **N** cũng có nguyện vọng được tiếp tục ở cùng mẹ. Xét thấy, việc giao con chung cho người đang trực tiếp nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của con sẽ đảm bảo môi trường sống và điều kiện phát triển tốt nhất cho cháu. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xem xét giao con chung là cháu **Trần Phương N** cho chị **Vân A** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp thực tế và pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị **Vân A** không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Chị **Vân A** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Trường hợp các đương sự có yêu cầu và phát sinh tranh chấp thì dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Vân A** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Vân A** về việc "Ly hôn".
2. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Vân A** được ly hôn anh **Trần Văn H**.
3. Về con chung: Chị **Vân A** và anh **H** có 01 con chung là cháu **Trần Phương N**, sinh ngày 20/10/2013. Giao chị **Nguyễn Thị Vân A** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu **Trần Phương N** cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.
Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh **H** đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.
Anh **H** có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không được ai ngăn cản.
4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị **Vân A** và anh **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.
5. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Vân A** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị **Vân A** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010790 ngày 06/5/2026 tại Thị hành án dân sự thành phố Hà Nội. Chị **Vân A** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.
6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND Khu vực 11 – Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11 – Hà Nội;
- UBND xã Duyên Thái, huyện Thường Tín (nay là xã Hồng Vân), thành phố Hà Nội (GCNKH số 24/2012, quyền số 01/2012);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Hương Giang